Người ký: Sở Tài chính
Email: stc@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 02.12.2020 09:24:33 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 7597/STC-NS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2020

V/v công khai dự toán thu, chi ngân sách khối quận, huyện năm 2021.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023;

Căn cứ Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023;

Căn cứ Công văn số 4073/UBND-KT ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức bố trí dự toán chi thường xuyên năm 2021; theo đó Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo:

"1. Chấp thuận nguyên tắc phân bổ và bố trí dự toán chi thường xuyên năm 2021 cho các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các quận – huyện theo đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 6565/STC-NS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về phương thức bố trí dự toán chi thường xuyên năm 2021.

Giao Sở Tài chính làm việc với các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các quận huyện về phân bổ và bố trí dự toán chi thường xuyên năm 2021 theo các nguyên tắc đã nêu tại Công văn nêu trên, đảm bảo chặt chẽ và đúng quy định của pháp luật..."

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính đã triển khai hướng dẫn và làm việc về dự toán ngân sách năm 2021 với Ủy ban nhân dân các quận – huyện và tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách khối quận, huyện năm 2021 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp tháng 12 năm 2020.

Nay Sở Tài chính gửi Ủy ban nhân dân các quận – huyện nguyên tắc xây dựng dự toán và số liệu dự toán thu, chi ngân sácn năm 2021 dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua. Đồng thời, Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận – huyện thực hiện các quy trình và biểu mẫu trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự toán ngân sách quận – huyện và phường – xã, thị trấn.

(Đính kèm Báo cáo về dự toán thu, chi ngân sách quận – huyện, phường – xã, thị trấn năm 2021 và Chi tiết số liệu từng quận – huyện).

Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân quận – huyện nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, NS (HY).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Hồng Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
VỀ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH QUẬN HUYỆN – PHƯỜNG XÃ NĂM 2021

(Đính kèm Công văn số 7597 /STC-NS ngày 27 tháng 11 năm 2020).

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023;

Căn cứ Công văn số 5055/STC-NS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023;

Sở Tài chính đã triển khai hướng dẫn và làm việc về dự toán ngân sách năm 2021 với Ủy ban nhân dân các quận – huyện. Trên cơ sở đó, Sở Tài chính tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách quận huyện năm 2021 cụ thể như sau:

PHẦN I: NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021

Do thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 được kéo dài sang năm 2021 (Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc Hội) nên dự toán khối quận, huyện năm 2021 sẽ dựa trên các chỉ tiêu cơ bản đã bố trí trong dự toán năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định) và bổ sung thêm một số chế độ, chính sách mới phát sinh so với dự toán năm 2020.

Theo đó, Sở Tài chính thông qua một số nguyên tắc xây dựng dự toán năm 2021 như sau:

I/ Về nguyên tắc xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2021:

1/ Về định mức phân bổ chi thường xuyên:

Dự toán chi thường xuyên năm 2021 của các đơn vị xây dựng trên nguyên tắc chung như sau:

- Định mức khoán chi quản lý hành chính, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục **năm 2017 cộng phần tăng lương** do điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng và **giảm tỷ lệ các khoản đóng góp theo lương** (giảm mức đóng BHXH bắt buộc từ 1% xuống 0,5% theo quy định tại Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định mức đóng BHXH bắt

buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp), các tiêu chí khác giữ nguyên như dự toán năm 2017.

- Dự toán chi thường xuyên được xây dựng theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/người/tháng; trong đó, sử dụng nguồn cải cách tiền lương để đảm bảo nhu cầu chênh lệch tiền lương từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng (tính đủ 12 tháng) của đơn vị.

2/ Về dự toán kinh phí chi thường xuyên:

2.1/ Đối với lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề:

Dự toán chi cho sự nghiệp giáo dục năm 2021 được tính trên cơ sở: định mức/HS năm 2017, số học sinh thực tế đang học năm học 2020-2021 và dự kiến học sinh năm học 2021-2022, bổ sung thêm nhu cầu tăng mức lương cơ sở lên 1.490.000 đồng/tháng, giảm 0,5% tỷ lệ đóng góp Quỹ BHTN lao động, bệnh nghề nghiệp; các tiêu chí khác (không cơ cấu trong định mức chi) điều chỉnh đối tượng theo thực tế và mức hỗ trợ theo các văn bản quy định hiện hành.

2.2/ Đối với lĩnh vực chi y tế, dân số và gia đình:

- Không bố trí dự toán năm 2021 khối Bệnh viện và Trung tâm Y tế quận, huyện do đã bàn giao toàn bộ các cơ sở y tế công lập nêu trên về Sở Y tế quản lý theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án tổ chức lại "Trung tâm Y tế và Bệnh viện quận, huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện" thành "Trung tâm Y tế quận, huyện trực thuộc Sở Y tế".

- Không bố trí kinh phí chi Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình từ nguồn NSTW và NSTP do hiệu lực của Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chỉ áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

2.3/ Đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính, đoàn thể (đối với biên chế):

Dự toán năm 2021 được tính trên cơ sở: mức khoán chi quản lý hành chính năm 2017; chỉ tiêu biên chế được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (khối Quản lý nhà nước: Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố, khối Đoàn thể: Thông báo số 870-TB/BTCTU ngày 08/4/2019 của Ban Tổ chức Thành ủy); bổ sung thêm nhu cầu tăng mức lương cơ sở lên 1.490.000 đồng/tháng, giảm 0,5% tỷ lệ đóng góp Quỹ BHTN lao động, bệnh nghề nghiệp; các tiêu chí khác (không cơ cấu trong định mức chi) điều chỉnh đối tượng theo thực tế và mức hỗ trợ theo các văn bản quy định hiện hành.

Đối với số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, Quỹ tiền lương được dự kiến theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

* Riêng đối với lĩnh vực quản lý nhà nước: Căn cứ điểm đ Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính:

"- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng trên cơ sở: ... + Số biên chế được giao năm 2021 (trường hợp chưa được giao biên chế thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2020/số biên chế tính dự toán NSNN năm 2020 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2021 theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc số biên chế còn phải giảm để bảo đảm mục tiêu theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW), ..."

Tuy nhiên đến nay, Ủy ban nhân dân thành phố chưa ban hành Quyết định giao chỉ tiêu biên chế năm 2021; đồng thời, Đề án tinh giản biên chế tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2021 của khối chính quyền không nêu số biên chế phải tinh giản cụ thể của từng quận, huyện.

Do đó, khi Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định giao chỉ tiêu biên chế năm 2021, Sở Tài chính sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của các quận, huyện căn cứ trên số biên chế được giao mới.

Riêng đối với kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp: hiện nay Quốc Hội đã thông qua Đề án tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên còn chờ Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện cụ thể. Do đó, đối với dự toán năm 2021, Sở Tài chính đề xuất tiếp tục bố trí kinh phí hoạt động cho Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường, xã bằng dự toán năm 2020. Trong năm 2021, Sở Tài chính sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của các quận do không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường.

2.4/ Đối với lĩnh vực chi kinh tế:

2.4.1/ <u>Nguyên tắc chung:</u>

Theo sản lượng dự toán năm 2020 và các quyết định phân cấp quản lý phát sinh mới trong năm 2020 (nếu có). Ngoài ra:

+ Bổ sung một số nội dung chi thuộc lĩnh vực môi trường (kinh phí vận hành trạm trung chuyển rác, thu gom – vận chuyển nước rỉ rác, vệ sinh điểm hẹn bằng xe bồn...) trường hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện đã phê duyệt đơn giá và triển khai thực hiện trên địa bàn. Đối với các quận, huyện chưa phê duyệt đơn giá, dự toán gói thầu, trường hợp có triển khai thực hiện trong năm 2021, Ủy ban nhân dân các quận, huyện cân đối kinh phí từ dự toán lĩnh vực môi trường thành phố bố trí đầu năm, nguồn dự phòng, kết dư ngân sách quận, huyện... để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

+ Những năm gần đây, tình hình giải ngân kinh phí lĩnh vực kiến thiết thị chính, duy tu giao thông và sự nghiệp môi trường khối quận, huyện đạt thấp, do đó Sở Tài chính đề xuất bố trí dự toán cụ thể từng lĩnh vực của từng quận, huyện cho phù hợp với tình hình, nhu cầu thực tế.

2.4.2/ Cấn trừ số thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác khi giao dự toán cho các quận huyện:

Căn cứ Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2018, theo đó trong cơ cấu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có một phần chi phí vận chuyển rác.

Do đó, dự toán công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thành phố bố trí cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện năm 2021 là kinh phí được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành trừ đi kinh phí phải thu từ các hộ gia đình và chủ nguồn thải theo quy định tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND.

2.4.3/ Về thực hiện chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn:

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11/6/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố, Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố và Công văn số 467/UBND-ĐT ngày 13/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố, kể từ năm 2019, toàn bộ các phường – xã, thị trấn trên địa bàn thành phố tham gia thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

Căn cứ Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung kinh phí thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện; trong đó tại điểm 3 giao: *"Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ lộ trình thực hiện tại Kế hoạch triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn giai đoạn 2017-2020, bố trí dự toán kinh phí hàng năm cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện với số tiền **01 tỷ đồng/01 phường-xã** để Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ động thực hiện công tác này."*

Dự toán kinh phí 01 tỷ đồng/01 phường-xã để thực hiện các nội dung như: tổ chức tập huấn cho người dân và lực lượng nòng cốt tham gia chương trình; tuyên truyền; chi hỗ trợ lực lượng nòng cốt 200.000 đồng/người/tháng; mua nhãn dán phân loại rác; tổ chức kiểm tra, giám sát và tổ chức sơ kết, đánh giá.

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính đã xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán kinh phí phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện giai đoạn 2017-2020 với tổng kinh phí là 502.000 triệu đồng, cụ thể từng năm như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	Năm	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch
A	*B*	*1*	*2*	*3=1-2*
1	2017	15.000	7.464	7.536
2	2018	88.000	30.774	57.226
3	2019	238.000	86.443	151.557
4	2020	161.000		
Tổng cộng		**502.000**	**124.681**	**216.319**

Qua quá trình triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân các quận, huyện sử dụng kinh phí phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn **chưa hiệu quả**, kinh phí thực hiện giai đoạn 2017-2019 là **124.681 triệu đồng**, chỉ đạt **36,6%** so với dự toán thành phố bố trí (341.000 triệu đồng).

Đối với năm 2020, căn cứ kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Thành Phong tại cuộc họp nghe báo cáo tổng thể hệ thống quản lý chất thải rắn thành phố, các tồn tại và đề xuất giải pháp (Thông báo số 782/TB-VP ngày 04/11/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố), theo đó thống nhất **điều chỉnh phương pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt** trên địa bàn thành phố từ 03 nhóm thành **02 nhóm là nhóm chất thải có thể tái chế và nhóm chất thải còn lại.**

Tuy nhiên, đến nay Sở Tài nguyên và Môi trường chưa có hướng dẫn cụ thể về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 02 nhóm theo chỉ đạo nêu trên của Ủy ban nhân dân thành phố. Do đó, trong năm 2020, Ủy ban nhân dân các quận, huyện chưa thể triển khai, tuyên truyền và giải ngân kinh phí phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

Vì vậy, Sở Tài chính đề xuất **không tiếp tục bố trí dự toán** công tác này **trong năm 2021**; Ủy ban nhân dân các quận, huyện cân đối từ dự toán thành phố đã bố trí trong giai đoạn 2017-2020 còn tồn tại kết dư ngân sách quận, huyện để triển khai thực hiện.

3/ Về kinh phí thực hiện lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:

* Tại cơ quan hành chính nhà nước: đối với dự toán năm 2021 tiếp tục bố trí theo nguyên tắc: không bố trí kinh phí hoạt động, chỉ bố trí theo định mức 82 triệu đồng/người đối với biên chế có mặt (hoặc 50 triệu đồng/người đối với biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển) x số biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 14/2/2020 + phần chênh lệch tăng mức lương cơ sở 280.000 đồng/người/tháng (từ 1.210.000 lên 1.490.000 đồng/người/tháng) – Giảm mức đóng BHXH bắt buộc từ 1% xuống 0,5%.

* Tại đơn vị sự nghiệp công lập:

Hiện nay, Sở Nội vụ đang phối hợp với các Sở, ngành đề xuất hình thức ký kết hợp đồng và mức chi trả đối với người làm việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP. Do đó, đối với dự toán năm 2021, Sở Tài chính đề xuất tiếp tục bố trí từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách quận, huyện để hỗ trợ chi trả lương khoán (hoặc lương theo hệ số) và các chế độ, chính sách liên quan đến các đối tượng hợp đồng làm việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP tương tự như dự toán năm 2020.

4/ Dự toán phường – xã, thị trấn:

4.1/ Về số lượng biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Kinh phí bố trí dự toán hàng năm của lĩnh vực quản lý hành chính khối phường – xã, thị trấn được thực hiện theo nguyên tắc: định mức x số biên chế theo Quyết định giao của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Đối với dự toán năm 2021, số biên chế khối phường – xã, thị trấn được tính theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP) và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định chức danh, bố trí số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4.2/ Bổ sung chế độ trợ cấp thôi việc và chế độ thôi việc sắp xếp do dôi dư theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố.

5/ Các chính sách, chế độ mới phát sinh đưa vào dự toán 2021:

5.1/ Về kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ và chính sách hỗ trợ thêm theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố:

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính, tại Khoản 8 Điều 12 hướng dẫn lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế như sau:

"Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế."

Căn cứ Công văn số 9990/BTC-NSNN ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính về nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ; trong đó có nêu:

"... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn bố trí từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương của địa phương hàng năm để thực hiện chi trả chế độ chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ đối với các đối tượng tinh giản biên chế, chờ đủ tuổi nghỉ hưu và nghỉ hưu trước tuổi thuộc địa phương quản lý (phần kinh phí ngân sách nhà nước cấp, không bao gồm nhu cầu kinh phí cơ quan, đơn vị tự đảm bảo theo quy định)...".

Căn cứ Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-

CP của Chính phủ; tại Điều 2 quy định nguồn chi trả của chế độ, chính sách như sau:

"- Cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và đơn vị sự nghiệp (đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đơn vị bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên) do ngân sách nhà nước chi trả từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố và ngân sách quận, huyện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị tự chủ tài chính (đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên) do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị."

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chính sách hỗ trợ thêm các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay và chính sách đối với các đối tượng không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm các chức danh theo nhiệm kỳ.

Sau khi tính toán hết các nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị và ngân sách quận, huyện, trường hợp đã trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương theo quy định nhưng dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chính sách hỗ trợ thêm lớn hơn so với nguồn hiện có; ngân sách thành phố sẽ bổ sung dự toán kinh phí cho các quận, huyện để thực hiện chi chính sách này theo quy định.

5.2/ Về kinh phí chi trả trợ cấp xã hội qua bưu điện hàng tháng:

Căn cứ Công văn số 878/UBND-VX ngày 12/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống bưu điện địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

"... 1.1. Giai đoạn 1: Tổ chức thí điểm tại 03 quận, huyện: Củ Chi, Thủ Đức và Bình Chánh; thời gian triển khai: Quý II năm 2020.

1.2. Giai đoạn 2: Tiếp tục thực hiện tại 03 quận, huyện: Củ Chi, Thủ Đức và Bình Chánh và mở rộng thực hiện tại một số quận, huyện tiếp theo (trên cơ sở thống nhất của Bưu điện thành phố và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội); thời gian triển khai: 01 năm sau khi thực hiện giai đoạn 1 (dự kiến Quý II năm 2021)...

... 2.1. Mức chi phí dịch vụ để thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống bưu điện là 6.600 đồng/người/tháng."

Như vậy, đối với dự toán năm 2021, Sở Tài chính tính toán bố trí đủ 12 tháng kinh phí chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống bưu điện cho 03 quận, huyện: Thủ Đức, Củ Chi và Bình Chánh; các quận, huyện còn lại bố trí kinh phí của 09 tháng (áp dụng từ Quý II năm 2021).

5.3/ Về chính sách mua thẻ BHYT cho người có công cách mạng:

Căn cứ Công văn số 887/UBND-VX ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện mua, cấp thẻ BHYT cho đối tượng người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố; tại điểm 1 có nêu:

"Chấp thuận đề xuất của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 7046/TTr-SLĐTBXH. Giao Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện."

Trên cơ sở đó, ngày 11/7/2020, Hội đồng nhân dân thành phố đã có Nghị quyết số 21/NQ-HĐND về điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để bổ sung dự toán chi NSNN năm 2020 của Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện để thực hiện mua, cấp thẻ BHYT cho người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố 06 tháng cuối năm 2020.

Do đó, đối với dự toán năm 2021 có bổ sung thêm kinh phí mua, cấp thẻ BHYT cho người có công với cách mạng (lĩnh vực y tế) cho các quận, huyện.

5.4/ Về chi phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng:

Tại điểm 2a Công văn số 1791/UBND-NCPC ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng nêu:

"... a) Hàng năm, khi xây dựng báo cáo dự toán ngân sách địa phương, trên cơ sở các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng giao tổ chức thực hiện cưỡng chế, Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập kế hoạch và dự toán kinh phí (cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành) gửi về Sở Xây dựng, Sở Tài chính để rà soát trình Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Trên cơ sở kế hoạch, dự toán kinh phí cưỡng chế do Ủy ban nhân dân các quận, huyện gửi, giao Sở Xây dựng thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giao dự toán kinh phí (cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành) cho ngân sách quận, huyện để tổ chức triển khai cưỡng chế thi hành quyết định."

Như vậy, căn cứ ý kiến của Sở Xây dựng về đề nghị bố trí dự toán kinh phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở Tài chính đã tổng hợp chung vào dự toán năm 2021 cho ngân sách quận, huyện.

5.5/ Kinh phí tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV:

Sau khi có hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức chi và các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử, Sở Tài chính sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện trong năm 2021.

6/ Về kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố:

Căn cứ Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố:

"... Từ năm 2021 đến hết thời gian thí điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, căn cứ khả năng cân đối của Thành phố, trong dự toán ngân sách hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hệ số thu nhập tăng thêm đảm bảo không thấp hơn 1,2 và không vượt quá 1,8 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ.".

Sau khi tính toán hết các nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị và ngân sách quận huyện, trường hợp đã trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương theo quy định nhưng dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn hiện có; ngân sách thành phố sẽ bổ sung dự toán kinh phí cho các quận huyện để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

II/ Về nguyên tắc xây dựng dự toán thu ngân sách địa phương năm 2021:

1/ Tỷ lệ điều tiết:

Năm 2021 là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 nên giữ nguyên tỷ lệ điều tiết thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh theo Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

- Quận 1: 8%;

- Quận 3: 13%;

- 22 quận – huyện còn lại: 18%.

2/ Tỷ trọng lệ phí trước bạ nhà, đất trong tổng lệ phí trước bạ:

Giữ nguyên tỷ trọng lệ phí trước bạ nhà, đất trong tổng lệ phí trước bạ như dự toán năm 2020.

3/ Thu phí, lệ phí (không tính lệ phí môn bài), thu khác:

Theo quy định thì số thu phí, lệ phí, thu khác được điều tiết một phần về ngân sách địa phương (trừ án phí, phí thi hành án, phí cấp biển phương tiện giao thông, thu phạt của các cơ quan thuộc thành phố hoặc ngành dọc). Do đó, để tính toán số liệu giao thu cho ngân sách quận – huyện, phường – xã, thị trấn, Sở Tài chính dựa trên các cơ sở sau:

- Số thu thực hiện 09 tháng năm 2020 trên hệ thống Tabmis;

- Số liệu do Ủy ban nhân dân quận – huyện xây dựng;

- Tỷ lệ tăng thu phí, lệ phí, thu khác của năm 2021/2020 do Cục Thuế giao.

PHẦN II: DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2021

Sở Tài chính tạm tính toán theo số liệu phân bổ dự toán thu NSNN năm 2021 khối Chi cục thuế quận – huyện do Cục Thuế cung cấp.

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính tổng hợp số thu ngân sách năm 2021 như sau:

1/ Tổng thu NSNN: 71.485.000 triệu đồng, giảm 6.058.000 triệu đồng tương ứng giảm 7,81% so với dự toán năm 2020 (77.543.000 triệu đồng).

2/ Tổng thu NSĐP: 27.329.034 triệu đồng, giảm 1.023.217 triệu đồng tương ứng giảm 3,61% so với dự toán năm 2020 (28.352.251 triệu đồng). Cụ thể:

a/ Tổng thu điều tiết NSĐP: 7.244.334 triệu đồng, giảm 800.919 triệu đồng tương ứng giảm 9,96% so với dự toán năm 2020 (8.045.253 triệu đồng).

b/ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 18.335.188 triệu đồng, giảm 504.883 triệu đồng so với dự toán năm 2020 (18.840.071 triệu đồng), trong đó:

- Bổ sung cân đối năm 2017 từ ngân sách thành phố: 11.836.843 triệu đồng;

- Bổ sung từ nguồn CCTL do tăng lương và chi thu nhập tăng thêm theo NQ03: 4.402.805 triệu đồng;

- Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên để chi chế độ, chính sách tăng thêm: 2.060.240 triệu đồng;

- Bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương để chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 35.300 triệu đồng.

c/ Nguồn CCTL ngân sách quận – huyện dùng để cân đối dự toán chi thường xuyên năm 2021: 1.749.512 triệu đồng, tăng 282.585 triệu đồng so với dự toán năm 2020.

PHẦN III: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

Tổng dự toán chi ngân sách năm 2021 là 27.329.034 triệu đồng, giảm 1.023.217 triệu đồng, tương ứng giảm 3,61% so với dự toán chi năm 2020 (28.352.251 triệu đồng). Bao gồm:

1/ <u>Sự nghiệp kinh tế:</u> Tổng kinh phí là 3.641.677 triệu đồng, **giảm 360.112 triệu đồng**, tương ứng giảm 9% so dự toán năm 2020 (4.001.789 triệu đồng). Cụ thể:

1.1/ Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Tổng kinh phí là 1.275.341 triệu đồng, tăng 32.391 triệu đồng, tương ứng tăng 2,61% so dự toán năm 2020 (1.242.950 triệu đồng); gồm:

- Tiền điện chiếu sáng dân lập: kinh phí là 82.668 triệu đồng, bằng dự toán năm 2020.

- Chăm sóc công viên cây xanh: kinh phí là 381.709 triệu đồng, tăng 29.469 triệu đồng so dự toán năm 2020 (352.240 triệu đồng) do tăng sản lượng theo các quyết định phân cấp của Sở Xây dựng.

- Duy tu thoát nước: kinh phí là 810.964 triệu đồng, tăng 2.922 triệu đồng so dự toán năm 2020 (808.042 triệu đồng) do giảm đơn giá (vận chuyển bùn đi đổ) do giảm chi phí nhiên liệu dầu DO 0,05S là 6.312 triệu đồng; tăng sản lượng là 9.234 triệu đồng (theo các quyết định phân cấp của Sở Giao thông Vận tải và Sở Xây dựng).

1.2/ Sự nghiệp duy tu giao thông: Kinh phí là 438.550 triệu đồng, bằng dự toán năm 2020.

1.3/ Sự nghiệp nông-lâm-thủy lợi: Kinh phí là 74.455 triệu đồng, tăng 18.300 triệu đồng, tương ứng tăng 32,59% so dự toán năm 2020 (56.155 triệu đồng) do bố trí kinh phí duy tu cấp bách các kè đá chống sạt lở trên địa bàn huyện Cần Giờ.

1.4/ Sự nghiệp môi trường: Tổng kinh phí là 1.645.398 triệu đồng, giảm 403.711 triệu đồng, tương ứng giảm 19,7% so dự toán năm 2020 (2.049.109 triệu đồng); gồm:

- Tăng sản lượng quét rác các khu dân cư mới trên địa bàn huyện Cần Giờ: 916 triệu đồng;

- Tăng kinh phí vận hành trạm trung chuyển rác (các trạm trung chuyển đã đi vào hoạt động nhiều năm trước nhưng do Ủy ban nhân dân các quận, huyện trước đây chưa phê duyệt đơn giá vận hành nên Sở Tài chính chưa có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán, gồm các quận 2, 7, Phú Nhuận và Thủ Đức): 29.777 triệu đồng;

- Tăng kinh phí vệ sinh thùng rác công cộng (quận 7 và huyện Cần Giờ): 1.341 triệu đồng;

- Giảm kinh phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: -274.745 triệu đồng; bao gồm:

+ Tăng do áp dụng nguyên giá ca máy, thiết bị theo giá thị trường: 179.685 triệu đồng;

+ Tăng do tăng khối lượng rác vận chuyển: 21.573 triệu đồng;

+ Giảm giá nhiên liệu (giá dầu DO 0,05S): -58.334 triệu đồng;

+ Giảm do cấn trừ số thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố: -417.669 triệu đồng.

- Giảm kinh phí thực hiện chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn: -161.000 triệu đồng.

1.5/ Sự nghiệp kinh tế khác: Kinh phí là 207.933 triệu đồng, giảm 7.092 triệu đồng, tương ứng giảm 3,3% so dự toán năm 2020 (215.025 triệu đồng); gồm:

- Tăng kinh phí hỗ trợ công tác xử phạt an toàn giao thông từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu: 5.300 triệu đồng;

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Trung tâm Quản lý các di tích lịch sử huyện Bình Chánh (trên cơ sở sáp nhập Công viên văn hóa Láng Le và Trung tâm Hoa Kiểng và Dịch vụ nông nghiệp): 595 triệu đồng;

- Tăng kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (do tính theo số lượng và bảng lương của người làm việc thực tế): 7.136 triệu đồng;

- Giảm kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai do thực hiện 05 năm/lần theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố: -19.923 triệu đồng;

- Giảm kinh phí hỗ trợ cho 02 HTX mới thành lập của quận 9 (chỉ hỗ trợ 01 lần ban đầu): -200 triệu đồng.

2/ <u>Sự nghiệp giáo dục – đào tạo:</u> Tổng kinh phí là 13.908.646 triệu đồng, **tăng 647.527 triệu đồng**, tương ứng tăng 4,88% so dự toán năm 2020 (13.261.119 triệu đồng). Cụ thể:

2.1/ Giáo dục phổ thông: Tổng kinh phí là 13.611.643 triệu đồng, tăng 624.598 triệu đồng, tương ứng tăng 4,81% so dự toán năm 2020 (12.987.045 triệu đồng), gồm:

a) Các khoản tăng: 645.158 triệu đồng:

- Tăng kinh phí do tăng học sinh, tăng đối tượng, tăng mức hỗ trợ: 133.974 triệu đồng; bao gồm:

+ Khối mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở: 95.117 triệu đồng (DT 2020 là 1.199.734 HS; DT 2021 là 1.218.802 HS, tăng 19.068 HS);

+ Trường Khuyết tật: 652 triệu đồng (tăng số giáo viên giảng dạy thực tế);

+ Kinh phí bố trí ngoài định mức cho bảo vệ, phục vụ: 1.152 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ cán bộ y tế trường học theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND: 27 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg: 653 triệu đồng;

+ Kinh phí thực hiện chính sách thu hút giáo viên mầm non theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND: 3.310 triệu đồng;

+ Kinh phí cấp bù học phí do thực hiện miễn, giảm học phí theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND: 2.789 triệu đồng;

+ Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP: 11.401 triệu đồng;

+ Kinh phí phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP: 18.873 triệu đồng.

- Tăng kinh phí do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế: 511.184 triệu đồng; bao gồm:

+ Khối mầm non, tiểu học, trung học cơ sở: 86.889 triệu đồng;

+ Trường Khuyết tật: 66 triệu đồng;

+ Phụ cấp thâm niên nhà giáo: 24.409 triệu đồng;

+ Kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17: 399.820 triệu đồng.

b) Các khoản giảm: 20.560 triệu đồng do giảm học sinh, giảm đối tượng, thay đổi chế độ, chính sách; bao gồm:

+ Khối nhà trẻ: -5.195 triệu đồng (DT 2020 là 24.138 HS; DT 2021 là 23.638 HS, giảm 500 HS);

+ Trường Bồi dưỡng giáo dục: -1.090 triệu đồng (giảm số giáo viên giảng dạy và tính lại theo bảng lương thực tế);

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi: -412 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ giáo dục mầm non theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 113/NQ-HĐND: -13.113 triệu đồng (do hết giai đoạn thực hiện chính sách hỗ trợ cho giáo viên mới ra trường);

+ Kinh phí hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho trường mới; trợ cấp cho giáo viên, nhân viên xã vùng sâu vùng xa: -750 triệu đồng.

2.2/ Đào tạo: Tổng kinh phí là 297.004 triệu đồng, tăng 22.930 triệu đồng, tương ứng tăng 8,37% so dự toán năm 2020 (274.074 triệu đồng), do:

- Tăng kinh phí bố trí hoạt động thường xuyên của các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế: 400 triệu đồng;

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên do thẩm định lại dự toán thu – chi của đơn vị: 975 triệu đồng;

- Bố trí kinh phí chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế: 17.618 triệu đồng;

- Tăng kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (do tính theo số lượng và bảng lương của người làm việc thực tế): 3.937 triệu đồng.

3/ <u>Sự nghiệp y tế:</u> Tổng kinh phí là 1.001.028 triệu đồng, **giảm 1.041.728 triệu đồng**, tương ứng giảm 51% so dự toán năm 2020 (2.042.756 triệu đồng). Cụ thể:

3.1/ Bệnh viện: không bố trí dự toán năm 2021 (giảm 191.542 triệu đồng, trong đó giảm kinh phí chi TNTT theo NQ03 là 189.042 triệu đồng) do bàn giao Bệnh viện khối quận, huyện về Sở Y tế quản lý theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3.2/ Trung tâm Y tế: không bố trí dự toán năm 2021 (giảm 765.695 triệu đồng, trong đó giảm kinh phí chi TNTT theo NQ03 là 192.593 triệu đồng) do bàn giao Trung tâm Y tế khối quận, huyện về Sở Y tế quản lý theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3.3/ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số: Tổng kinh phí là 63.037 triệu đồng, giảm 55.351 triệu đồng, tương ứng giảm 46,75% so dự toán năm 2020 (118.388 triệu đồng), gồm:

- Giảm kinh phí chi Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình từ nguồn NSTW và NSTP do hiệu lực của Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chỉ áp dụng cho giai đoạn 2016-2020: -54.583 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi chúc thọ, mừng thọ: -768 triệu đồng do giảm số đối tượng theo thực tế.

3.4/ Kinh phí mua thẻ BHYT: Tổng kinh phí là 937.991 triệu đồng, giảm 29.140 triệu đồng, tương ứng giảm 3,01% so dự toán năm 2020 (967.131 triệu đồng), gồm:

- Bố trí kinh phí cấp thẻ BHYT cho người có công với cách mạng do phân cấp về cho các quận, huyện thực hiện: 30.954 triệu đồng (38.473 thẻ);

- Giảm kinh phí cấp thẻ BHYT do giảm đối tượng: -60.094 triệu đồng:

+ Hộ nghèo: -76.550 triệu đồng (giảm 95.140 thẻ);

+ Hộ cận nghèo: -33.784 triệu đồng (giảm 59.989 thẻ);

+ Trẻ em dưới 6 tuổi: 35.530 triệu đồng (tăng 44.164 thẻ);

+ Đối tượng bảo trợ xã hội: 9.730 triệu đồng (tăng 12.090 thẻ);

+ Học sinh, sinh viên không thuộc diện nghèo: 4.980 triệu đồng (tăng 20.637 thẻ).

4/ <u>Sự nghiệp văn hóa nghệ thuật:</u> Tổng kinh phí là 167.675 triệu đồng, **tăng 6.122 triệu đồng**, tương ứng tăng 3,79% so dự toán năm 2020 (161.553 triệu đồng). Cụ thể:

- Tăng kinh phí hỗ trợ khu vui chơi thiếu nhi do phường – xã, thị trấn quản lý: 450 triệu đồng (02 khu do Thành phố đầu tư và 01 khu do quận – huyện đầu tư);

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của các TTVH do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế, đồng thời phát sinh thêm TT VH-TDTT quận 11 (mới sáp nhập và được quận giao đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên) và TT VH-TDTT quận Bình Tân (do đơn vị không đảm bảo được nguồn thu nên quận phân loại lại là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên): 4.607 triệu đồng;

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của các Đài truyền thanh do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế, đồng thời phát sinh mới kinh phí chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế (huyện Củ Chi): 374 triệu đồng;

- Tăng kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (do tính theo số lượng và bảng lương của người làm việc thực tế): 1.470 triệu đồng;

- Giảm kinh phí bố trí cho Nhà Thiếu nhi do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế: -779 triệu đồng.

5/ <u>Sự nghiệp thể dục thể thao:</u> Tổng kinh phí là 63.726 triệu đồng, **giảm 1.234 triệu đồng**, tương ứng giảm 1,9% so dự toán năm 2020 (64.960 triệu đồng). Cụ thể:

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của các TT TDTT do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế, đồng thời phát sinh mới kinh phí chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế (huyện Củ Chi): 796 triệu đồng;

- Tăng kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (do tính theo số lượng và bảng lương của người làm việc thực tế): 308 triệu đồng;

- Giảm kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của TT TDTT quận 11 do sáp nhập với TTVH quận 11: -2.338 triệu đồng;

6/ <u>Sự nghiệp xã hội:</u> Tổng kinh phí là 1.659.343 triệu đồng, **tăng 84 triệu đồng**, tương ứng tăng 0,005% so dự toán năm 2020 (1.659.259 triệu đồng). Cụ thể:

a) Các khoản tăng: 29.973 triệu đồng:

- Tăng kinh phí chi trả chính sách bảo trợ xã hội hàng tháng do tăng 2.377 đối tượng: 20.045 triệu đồng;

- Tăng kinh phí trợ cấp Tết Nguyên đán cho diện hộ nghèo do tăng mức trợ cấp từ 1.150.000 đồng/suất lên 1.250.000 đồng/suất: 946 triệu đồng;

- Bố trí kinh phí chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống Bưu điện: 8.982 triệu đồng.

b) Các khoản giảm: 29.889 triệu đồng:

- Giảm kinh phí trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng do giảm đối tượng: -112 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trợ cấp cho đối tượng thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động do giảm 25 đối tượng: -115 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trợ cấp người có công cách mạng do giảm 73 đối tượng: -482 triệu đồng;

- Giảm kinh phí trợ cấp Tết Nguyên đán do giảm 10.219 đối tượng: -11.550 triệu đồng;

- Giảm kinh phí trợ cấp ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 do giảm 1.299 đối tượng: -1.383 triệu đồng;

- Giảm kinh phí phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng do giảm 68 người: -1.632 triệu đồng;

- Giảm kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách do giảm 23.832 hộ nghèo: -14.615 triệu đồng.

7/ <u>Quản lý Nhà nước – Đảng – Đoàn thể:</u> Tổng kinh phí là 4.736.035 triệu đồng, **giảm 292.551 triệu đồng**, tương ứng giảm 5,82% so dự toán năm 2020 (5.028.586 triệu đồng). Cụ thể:

7.1/ Quản lý nhà nước: Tổng kinh phí là 3.622.963 triệu đồng, giảm 167.200 triệu đồng, tương ứng giảm 4,41% so dự toán năm 2020 (3.790.163 triệu đồng), bao gồm:

a) Các khoản tăng: 120.762 triệu đồng:

- Tăng kinh phí sinh hoạt hè do tăng số học sinh: 868 triệu đồng;

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ do căn cứ số liệu thẩm định của Sở Khoa học công nghệ: 678 triệu đồng;

- Tăng do điều chỉnh kinh phí đóng các loại bảo hiểm của CBCC và CBKCT khối PX-TT: 10.306 triệu đồng;

- Bố trí kinh phí trợ cấp thôi việc do dôi dư theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố: 93.645 triệu đồng;

- Bố trí kinh phí chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế: 4.266 triệu đồng (trong đó: khối quận – huyện là 3.143 triệu đồng, khối phường – xã, thị trấn là 1.123 triệu đồng);

- Bố trí kinh phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng căn cứ số liệu thẩm định của Sở Xây dựng: 10.999 triệu đồng.

b) Các khoản giảm: 287.963 triệu đồng:

- Giảm kinh phí quản lý nhà nước do giảm đối tượng là 185.112 triệu đồng; bao gồm:

+ Giảm biên chế khối quận, huyện (theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao biên chế hành chính, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội đặc thù năm 2020 của thành phố Hồ Chí Minh: giảm 110 biên chế và 14 hợp đồng NĐ68) và tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế: -13.253 triệu đồng;

+ Giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố: -171.859 triệu đồng.

- Giảm kinh phí tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo lương của CBCC (do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế) và CBKCT (do giảm số đối tượng): -20.006 triệu đồng;

- Giảm kinh phí cấp Báo Sài Gòn Giải phóng cho tổ dân phố và cho Đảng viên từ 40 năm tuổi Đảng trở lên do giảm 460 đối tượng: -933 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi thù lao cá nhân trực tiếp chi trả trợ cấp xã hội do giảm 19 đối tượng: -402 triệu đồng;

- Giảm kinh phí hỗ trợ cho công chức làm tại bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả tại PX-TT do giảm 74 đối tượng: -354 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi chế độ khuyến khích đại học do giảm 755 đối tượng: -5.635 triệu đồng;

- Giảm kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với khu phố - ấp, tổ dân phố - tổ nhân dân do giảm đối tượng: -815 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (do tính theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế, đồng thời giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND): -74.706 triệu đồng (trong đó: khối quận – huyện tăng 4.985 triệu đồng, khối phường – xã, thị trấn giảm 79.691 triệu đồng).

7.2/ Đảng: Tổng kinh phí là 238.095 triệu đồng, giảm 96.680 triệu đồng, tương ứng giảm 28,88% so dự toán năm 2020 (334.775 triệu đồng), gồm:

a) Các khoản tăng: 4.373 triệu đồng:

- Tăng do điều chỉnh kinh phí đóng các loại bảo hiểm của CBKCT khối PX-TT: 4.314 triệu đồng;

- Tăng phụ cấp trách nhiệm cấp ủy viên Đảng khối PX-TT do tăng số đối tượng: 59 triệu đồng.

b) Các khoản giảm: 101.053 triệu đồng:

- Giảm kinh phí quản lý hành chính do giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố: -67.139 triệu đồng;

- Giảm kinh phí tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo lương của CBCC (do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế) và CBKCT (do giảm số đối tượng): -8.136 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND): -25.778 triệu đồng.

7.3/ Đoàn thể: Tổng kinh phí là 774.208 triệu đồng, giảm 28.671 triệu đồng, tương ứng giảm 3,57% so dự toán năm 2020 (802.879 triệu đồng), gồm:

a) Các khoản tăng: 2.297 triệu đồng:

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Hội Chữ Thập đỏ quận, huyện: 156 triệu đồng;

- Tăng kinh phí chi sinh hoạt phí cho Ủy viên UBMTTQ Việt Nam cấp quận, huyện do tăng 02 đối tượng: 4 triệu đồng;

- Tăng kinh phí bố trí dự toán cho các Đoàn thể quận, huyện do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế: 472 triệu đồng;

- Tăng do điều chỉnh kinh phí đóng các loại bảo hiểm của CBKCT khối PX-TT: 1.550 triệu đồng;

- Tăng kinh phí trợ cấp cho Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam PX-TT thứ hai (Phó Chủ tịch cơ cấu) do tăng 13 đối tượng: 115 triệu đồng.

b) Các khoản giảm: 30.969 triệu đồng:

- Giảm kinh phí quản lý nhà nước do giảm đối tượng là 25.825 triệu đồng; bao gồm:

+ Giảm biên chế khối quận, huyện (Thông báo số 870-TB/BTCTU ngày 08/4/2019 của Ban Tổ chức Thành ủy về giao biên chế trong cơ quan mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố và quận - huyện và định hướng biên chế (chuyên trách công tác đảng) trong doanh nghiệp, đơn vị, ngành tự trả lương giai đoạn 2019-2021): -801 triệu đồng;

+ Giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố: -25.024 triệu đồng.

- Giảm kinh phí quản lý Quỹ Vì người nghèo do giảm số thu Quỹ (kinh phí quản lý Quỹ không quá 5% số thu): -195 triệu đồng;

- Giảm kinh phí tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo lương của CBCC (do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế) và CBKCT (do giảm số đối tượng): -2.182 triệu đồng;

- Giảm kinh phí bồi dưỡng trách nhiệm đối với Phó Chủ tịch Mặt trận, đoàn thể do giảm 274 đối tượng: -478 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (do tính theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế, đồng thời giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND): -2.289 triệu đồng (trong đó: khối quận – huyện tăng 1.678 triệu đồng, khối phường – xã, thị trấn giảm 3.967 triệu đồng).

7.4/ Kinh phí thi đua khen thưởng: kinh phí là 87.769 triệu đồng, bằng dự toán chi năm 2020.

7.5/ Trợ cấp thôi việc: kinh phí là 13.000 triệu đồng, bằng dự toán chi năm 2020.

8/ <u>An ninh – Quốc phòng:</u> Tổng kinh phí là 1.157.707 triệu đồng, **giảm 33.086 triệu đồng**, tương ứng giảm 2,78% so dự toán năm 2020 (1.190.793 triệu đồng). Cụ thể:

8.1/ An ninh: Tổng kinh phí là 443.627 triệu đồng, giảm 9.864 triệu đồng, tương ứng giảm 2,18% so dự toán năm 2020 (453.491 triệu đồng), bao gồm:

a) Các khoản tăng: 407 triệu đồng:

- Tăng do điều chỉnh kinh phí đóng các loại bảo hiểm của CBCC và CBKCT khối PX-TT: 262 triệu đồng;

- Tăng kinh phí hỗ trợ khuyến khích người có trình độ Đại học cho lực lượng công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 08/4/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố do tăng 11 đối tượng: 145 triệu đồng

b) Các khoản giảm: 10.271 triệu đồng:

- Giảm kinh phí quản lý hành chính do giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố: -5.862 triệu đồng;

- Giảm kinh phí tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo lương của CBCC (do tính lại theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế) và CBKCT (do giảm số đối tượng): -769 triệu đồng;

- Giảm phụ cấp trách nhiệm Phó Trưởng Công an xã do giảm 22 đối tượng: -53 triệu đồng;

- Giảm kinh phí phụ cấp hàng tháng, hỗ trợ mua BHXH, BHYT tự nguyện đối với Công an viên do giảm 50 đối tượng: -1.889 triệu đồng;

- Giảm kinh phí hỗ trợ thêm cho Công an viên (500.000 đồng/người/tháng) do giảm 50 đối tượng: -300 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trợ cấp trang phục do giảm 118 đối tượng: -122 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND): -1.276 triệu đồng.

8.2/ Quốc phòng: Tổng kinh phí là 714.080 triệu đồng, giảm 23.222 triệu đồng, tương ứng giảm 3,15% so dự toán năm 2020 (737.302 triệu đồng), bao gồm:

a) Các khoản tăng: 6.105 triệu đồng:

- Tăng do điều chỉnh kinh phí đóng các loại bảo hiểm của CBKCT khối PX-TT: 1.307 triệu đồng;

- Tăng kinh phí trợ cấp hoàn thành nghĩa vụ đối với lực lượng dân quân tự vệ do tăng định mức chi theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ: 4.798 triệu đồng.

b) Các khoản giảm: 29.327 triệu đồng:

- Giảm kinh phí quản lý hành chính do giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố: -20.383 triệu đồng;

- Giảm kinh phí tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo lương của CBCC (do tính theo bảng lương và số lượng người làm việc thực tế) và CBKCT (do giảm số đối tượng): -2.344 triệu đồng;

- Giảm kinh phí chi trả TNTT theo NQ03 và NQ17 (giảm số lượng CBKCT theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND): -6.600 triệu đồng.

9/ Chi khác: Tổng kinh phí là 259.617 triệu đồng, **giảm 294 triệu đồng**, tương ứng giảm 0,11% so dự toán năm 2020 (259.911 triệu đồng). Cụ thể:

9.1/ Chi khác cân đối ngân sách: kinh phí là 114.840 triệu đồng, bằng dự toán chi năm 2020.

9.2/ Giao chi khác từ nguồn thu phí, lệ phí, thu khác: kinh phí là 105.311 triệu đồng, bằng dự toán chi năm 2020.

9.3/ Hỗ trợ khối nội chính: kinh phí là 39.466 triệu đồng, giảm 294 triệu đồng so dự toán năm 2020 (39.760 triệu đồng) do giảm số lượng biên chế ngành dọc theo Quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền.

10/ Dự phòng: Tổng kinh phí là 535.839 triệu đồng, bằng dự toán chi năm 2020.

11/ Chi chế độ, chính sách phát sinh: Tổng kinh phí là 197.741 triệu đồng, tăng 52.055 triệu đồng so dự toán năm 2020 (145.686 triệu đồng), chỉ phát sinh tại ngân sách một số quận, huyện do 50% tăng thu cao hơn nhu cầu tăng chi chế độ, chính sách giai đoạn 2021-2017.

PHẦN IV: BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2021

a) Tổng kinh phí bổ sung cân đối năm 2021 là 18.335.188 triệu đồng, gồm:

- Giữ nguyên số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận – huyện bằng dự toán năm 2017 là 11.836.843 triệu đồng.

- Số bổ sung cân đối tăng thêm từ ngân sách thành phố do nhu cầu chi tăng thêm năm 2021 so với năm 2017 là 6.498.345 triệu đồng, gồm:

* Số bổ sung cân đối tăng thêm từ ngân sách thành phố do nhu cầu chi tăng thêm năm 2018 so với năm 2017 là 682.125 triệu đồng, gồm:

+ Bổ sung từ nguồn CCTL do tăng lương: 24.935 triệu đồng;

+ Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên để chi chế độ, chính sách tăng thêm: 657.190 triệu đồng.

* Số bổ sung cân đối tăng thêm từ ngân sách thành phố do nhu cầu chi tăng thêm năm 2019 so với năm 2018 là 6.462.031 triệu đồng, gồm:

+ Bổ sung từ nguồn CCTL do tăng lương: 5.026.119 triệu đồng;

+ Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên để chi chế độ, chính sách tăng thêm: 1.408.784 triệu đồng.

+ Bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương để chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 27.128 triệu đồng.

* Số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố năm 2020 so với năm 2019 giảm 140.928 triệu đồng (do sử dụng nguồn CCTL tại ngân sách quận – huyện tăng thêm so với dự toán năm 2019), gồm:

+ Bổ sung từ nguồn CCTL do tăng lương: giảm 624.016 triệu đồng;

+ Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên để chi chế độ, chính sách tăng thêm: tăng 479.025 triệu đồng.

+ Bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương để chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: tăng 4.063 triệu đồng.

* Số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố năm 2021 so với năm 2020 giảm 504.883 triệu đồng (do sử dụng nguồn CCTL tại ngân sách quận – huyện tăng thêm so với dự toán năm 2020), gồm:

+ Bổ sung từ nguồn CCTL do tăng lương: giảm 24.232 triệu đồng;

+ Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên để chi chế độ, chính sách tăng thêm: giảm 484.760 triệu đồng.

+ Bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương để chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: tăng 4.109 triệu đồng.

b) Số bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận – huyện giảm 504.883 triệu đồng, tương ứng giảm 2,68% so với dự toán năm 2020 (18.335.188 - 18.840.071 triệu đồng) (A-B-C), do:

- Dự toán chi năm 2021 giảm 1.023.217 triệu đồng so với năm 2020 (27.329.034 triệu đồng – 28.352.251 triệu đồng) (A);

- Số thu điều tiết năm 2021 giảm 800.919 triệu đồng so với năm 2020 (7.244.334 triệu đồng – 8.045.253 triệu đồng) (B);

- Nguồn CCTL ngân sách quận – huyện dùng để cân đối dự toán chi thường xuyên năm 2021: tăng 282.585 triệu đồng so dự toán năm 2020 (1.749.512 triệu đồng – 1.466.927 triệu đồng) (C).

c) Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung để chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 35.300 triệu đồng.

PHẦN V: MỘT SỐ NỘI DUNG LƯU Ý KHI GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021

1/ Nguyên tắc cân đối khi giao dự toán 2021:

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023; tại Khoản 7 Điều 12 hướng dẫn lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương như sau:

"Năm 2021, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; trong đó, sử dụng một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), 70% nguồn tăng thu thực hiện của NSĐP so dự toán năm 2020, 50% nguồn tăng thu dự toán năm 2021 của NSĐP so dự toán năm 2020 và nguồn thực hiện cải cách tiền lương hết năm 2020 còn dư chuyển sang (nếu có)."

Do đó, Sở Tài chính thực hiện tính tăng thu dự toán năm 2021 so với dự toán năm 2017 và dùng 50% nguồn tăng thu này để cân đối nhu cầu tăng thêm do tăng lương, 50% nguồn tăng thu còn lại dùng để cân đối nhu cầu tăng thêm do tăng chế độ, chính sách phát sinh cho giai đoạn 2017-2021.

Sở Tài chính cân đối nguồn để bổ sung nhu cầu tăng thêm theo thứ tự như sau:

a/ Đối với nhu cầu tăng thêm do tăng lương:

Nguồn CCTL dùng để bổ sung nhu cầu tăng thêm được thực hiện theo thứ tự như sau:

- Ngân sách phường – xã, thị trấn:

+ Sử dụng nguồn 50% tăng thu của ngân sách phường – xã, thị trấn;

+ Sử dụng nguồn CCTL còn dư tại ngân sách phường – xã, thị trấn;

+ Sử dụng nguồn 50% tăng thu của ngân sách quận – huyện;

+ Sử dụng nguồn CCTL còn dư tại ngân sách quận – huyện;

+ Bổ sung từ nguồn CCTL của ngân sách thành phố.

- Ngân sách quận – huyện:

+ Sử dụng nguồn 50% tăng thu còn lại của ngân sách quận – huyện sau khi cân đối cho ngân sách PX-TT;

+ Sử dụng nguồn CCTL còn dư tại đơn vị dự toán thuộc quận – huyện và tại ngân sách quận – huyện;

+ Bổ sung từ nguồn CCTL của ngân sách thành phố.

b/ Đối với nhu cầu tăng thêm do tăng chế độ, chính sách phát sinh:

- Ngân sách phường – xã, thị trấn:

+ Sử dụng nguồn 50% tăng thu của ngân sách phường – xã, thị trấn;

+ Sử dụng nguồn 50% tăng thu của ngân sách quận – huyện;

+ Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách thành phố.

- Ngân sách quận – huyện:

+ Sử dụng nguồn 50% tăng thu còn lại của ngân sách quận – huyện sau khi cân đối cho ngân sách PX-TT;

+ Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách thành phố.

Do đó, khi giao dự toán cho các đơn vị dự toán thuộc quận – huyện và ngân sách phường – xã, thị trấn, đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch các quận – huyện tuân thủ các nguyên tắc nêu trên. Tuy nhiên, đối với việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương khi giao dự toán cho đơn vị dự toán thuộc quận – huyện thì ưu tiên sử dụng nguồn cải cách tiền lương từ nguồn tiết kiệm 10% còn dư tại đơn vị, nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu để lại cho đơn vị, sau đó mới sử dụng đến nguồn cải cách tiền lương của ngân sách quận – huyện (gồm nguồn 50% tăng thu và nguồn còn tồn tại ngân sách quận, huyện).

Ngoài ra, khi tính số bổ sung cân đối theo cách nêu trên, có ngân sách 08 quận, huyện gồm quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, huyện Bình Chánh và Nhà Bè có số tăng thu dự toán năm 2021 so 2017 cao hơn số tăng chi nên Sở Tài chính vẫn để lại trong dự toán chi của ngân sách các quận, huyện nêu trên. Do đó, trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh chế độ, chính sách mới, đề nghị Ủy ban nhân dân quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, huyện Bình Chánh và Nhà Bè chủ động sử dụng nguồn này để thực hiện chi chế độ, chính sách phát sinh.

2/ Thời hạn quyết định, phê chuẩn và biểu mẫu các báo cáo trong dự toán 2021:

Căn cứ Khoản 3, 4 Điều 29 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước hướng dẫn như sau:

"3. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; dự toán thu, chi ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

4. Sau khi nhận được quyết định giao dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình, bảo đảm dự toán ngân sách cấp xã được quyết định trước ngay 31 tháng 12 năm trước. Sau khi dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định".

Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm hướng dẫn như sau:

"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương giai đoạn tới, dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình năm sau trước ngày 10 tháng 12 năm hiện hành; Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương giai đoạn tới, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm sau chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương".

Do đó, kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố quyết định dự toán ngân sách quận – huyện, đề nghị Ủy ban nhân dân quận – huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 chậm nhất là 10 ngày. Đồng thời, thực hiện tương tự đối với Ủy ban nhân dân phường – xã, thị trấn nhằm bảo đảm dự toán năm 2021 của ngân sách phường – xã, thị trấn được quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3/ Biểu mẫu lập dự toán ngân sách nhà nước:

Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ hướng dẫn Hội đồng nhân dân các cấp phải ban hành các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương (kèm theo các biểu mẫu 15, 16, 17).

- Nghị quyết về phân bổ ngân sách địa phương (kèm theo các biểu mẫu 30, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41).

4/ Ủy ban nhân dân quận – huyện khi phân bổ, giao dự toán phải xác định rõ kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để thực hiện cải cách tiền lương trong quyết định giao dự toán cho các đơn vị.

Dự toán chi ngân sách năm 2021 của khối quận huyện, Sở Tài chính đã tính đầy đủ các chế độ chính sách phát sinh của Trung ương và Thành phố. Trên cơ sở dự toán được giao năm 2021, Sở Tài chính đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch các quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân quận huyện trong việc điều hành ngân sách nhằm đảm bảo tốt nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và thực hiện tiết kiệm, kiềm chế lạm phát, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách.

SỞ TÀI CHÍNH

SỞ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021
24 QUẬN - HUYỆN

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG THU	NSNN (tạm giao)	% ĐT	NSĐP (tạm giao)	NỘI DUNG CHI	NSĐP (tạm giao)
TỔNG CỘNG	**71.485.000**		**27.329.034**	**TỔNG CỘNG**	**27.329.034**
TỔNG CỘNG (Trừ ghi thu)	**71.485.000**		**27.329.034**	**TỔNG CỘNG (Trừ ghi chi)**	**27.329.034**
I -Tổng số Đ.tiết NSQH (1->11)	**71.485.000**		**7.244.334**	**I- Chi đầu tư phát triển**	**0**
1- Thu ĐT hưởng thêm (TW & TP)	0		0	1. Nguồn phân cấp	0
2- Thu KVKT Nhà nước	261.500		0	2. Nguồn NSQH	0
3- Thu KVKT Đầu tư nước ngoài	1.569.350		0	3. Chi chuyển nguồn	0
4- Thuế CTN ngoài QD	36.204.150		5.224.120	**II. Chi thường xuyên**	**27.329.034**
- Thuế GTGT	23.471.200		3.492.566	1- Sự nghiệp kinh tế	3.641.677
- Thuế TNDN	12.424.300		1.722.604	- SN kiến thiết thị chính	1.275.341
- Thuế TT đặc biệt	299.700		0	*Đó: Tiền điện chiếu sáng DL*	*82.668*
- Thuế Tài nguyên	8.950		8.950	*Chăm sóc CVCX*	*381.709*
- Thu khác	0		0	*Duy tu thoát nước*	*810.964*
5- Lệ phí trước bạ	5.800.000		677.385	- SN giao thông	438.550
Trđó: LP trước bạ NĐ	*677.385*		*677.385*	- SN nông lâm thủy lợi	74.455
6- Thuế thu nhập	11.746.500		0	- SN Môi trường	1.645.398
7- Tiền sử dụng đất	7.645.000		0	*Đó: Quét rác*	*1.280.587*
8- Tiền thuê đất	4.800.000		0	*Thu gom và vận chuyển rác*	*357.331*
9- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000		300.000	*Phân loại CTR tại nguồn*	*0*
10- Thuế SD đất NN	0		0	*Công tác môi trường*	*7.480*
11- Thuế bảo vệ môi trường	20.500		0	- SN kinh tế khác	207.933
12- Phí - lệ phí	1.080.573		160.204	2- SN Giáo dục - Đào tạo	13.908.646
13- Lệ phí môn bài	589.427		589.427	- SN giáo dục phổ thông	13.611.643
Trong đó: LPMB thu từ hộ KD	*69.195*		*69.195*	- Trường TCN, CĐN	39.498
14- Thu khác	1.468.000		293.198	- Trung tâm GDNN - GDTX	181.068
II- Bổ sung từ NS cấp trên	**0**		**18.335.188**	- TT bồi dưỡng chính trị	30.422
- Bổ sung cân đối năm 2017 từ NSTP	0		11.836.843	- Đào tạo khác	46.016
- Bổ sung cân đối tăng thêm năm 2021	0		6.498.345	- CT MTQG DNLĐNT	0
+ Từ nguồn CCTL do tăng lương	*0*		*4.402.805*	3- Sự nghiệp Y tế	1.001.028
+ Từ nguồn chi TX do tăng CĐCS	*0*		*2.095.540*	- Bệnh viện	0
III- Nguồn CCTL còn lại của QH dùng để cân đối chi TX	**0**		**1.749.512**	- Trung tâm y tế dự phòng	0
IV- Kết dư ngân sách năm trước	**0**		**0**	- CTMT của UBDSGĐTE	63.037
V- Thu NS cấp dưới nộp	**0**		**0**	- Kinh phí mua thẻ BHYT	937.991
VI- Thu viện trợ	**0**		**0**	4- Văn hóa Nghệ thuật	167.675
VII- Số ghi thu	**0**		**0**	- Trung tâm văn hóa	93.049
				- Nhà thiếu nhi	29.667
				- Đài truyền thanh	16.044
				- Khác	28.915
				5- Thể dục thể thao	63.726

NỘI DUNG THU	NSNN (tạm giao)	% ĐT	NSĐP (tạm giao)	NỘI DUNG CHI	NSĐP (tạm giao)
				- Trung tâm TDTT	56.226
				- Khác	7.500
				6- Sự nghiệp Xã hội	1.659.343
				- TC thường xuyên NĐ136/2013/NĐ-CP	835.383
				- Thôi hưởng trợ cấp mất sức	601
				- Người có công CM	6.362
				- TC tết diện chính sách	538.371
				- TC lễ 27/7	74.635
				- Khác	158.395
				- Hỗ trợ BHXH tự nguyện	45.596
				7- QLNN, Đảng, Đoàn thể	4.736.035
				+ Quản lý Nhà nước	3.622.963
				+ Đảng CSVN	238.095
				+ Đoàn thể	774.208
				+ Hỗ trợ quỹ TĐKT (0,5%)	87.769
				+ TC thôi việc	13.000
				8- ANQP và TTAT Xã hội	1.157.707
				9- Bổ sung NS cấp dưới	0
				10- Cải cách tiền lương	0
				11- Chi chế độ, CS phát sinh	197.741
				13- Chi khác (0,5%)	259.617
				- Chi khác cân đối ngân sách	114.840
				- Chi khác để lại cho đơn vị thu sử dụng	105.311
				- Hỗ trợ khối nội chính	39.466
				13- Dự phòng ngân sách (3%)	535.839
				14- Tiết kiệm	
				15- Cấp dưới nộp NS cấp trên	
				III. Số ghi chi	**0**